

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 6 ... Ngày: ... 23/1/19 ...

NGHỊ ĐỊNH
Quy định một số chế độ đối với
thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông báo kết luận phiên họp thứ 29 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 2587/TB-TTKQH ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tổng Thư ký Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp, trợ cấp, chế độ bảo hiểm khám, chữa bệnh, thời gian làm việc và một số chế độ khác đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu từ ngân sách nhà nước, phu nhân/phu quân và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, phu nhân/phu quân và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc bảo đảm và thực hiện các chế độ theo quy định của Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bao gồm các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài.

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế thực hiện chức năng đại diện chính thức của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế tiếp nhận theo quy định tại Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật, do các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức, công nhân viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong lực lượng vũ trang, được cấp có thẩm quyền cử đi công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các quy định liên quan khác.

3. Phu nhân/phu quân là vợ hoặc chồng của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

4. Mức sinh hoạt phí cơ sở là định mức tiền tính bằng đô-la Mỹ áp dụng cho tất cả các địa bàn.

5. Hệ số địa bàn là hệ số quy ước để đánh giá mức độ thuận lợi, khó khăn của từng địa bàn có trụ sở của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

6. Chỉ số sinh hoạt phí là chỉ số tương ứng với chức vụ ngoại giao, chức danh của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 4. Căn cứ và nguyên tắc xác định chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác được xây dựng trên cơ sở nhu cầu vật chất và tinh thần, bảo đảm cuộc sống, sinh hoạt bình thường và bảo đảm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và phu nhân/phu quân, phù hợp với điều kiện kinh tế của Nhà nước, đặc thù công tác đối ngoại và hoàn cảnh cụ thể của địa bàn công tác.

2. Sinh hoạt phí được xác định như sau: Sinh hoạt phí bằng mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn nhân với chỉ số sinh hoạt phí, trong đó:

a) Mức sinh hoạt phí cơ sở được xác định trên cơ sở bảo đảm nhu cầu chung về ăn, chi tiêu thiết yếu và một số nhu cầu về văn hóa, tinh thần cho các thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, phù hợp với điều kiện kinh tế của Nhà nước và đặc thù công tác đối ngoại tại nước ngoài.

b) Hệ số địa bàn được xác định trên cơ sở tổng hợp các yếu tố về môi trường an ninh – chính trị, môi trường tự nhiên – khí hậu, môi trường văn hóa – xã hội, điều kiện giáo dục, điều kiện chăm sóc y tế, khoảng cách địa lý, mức độ đắt đỏ về giá cả sinh hoạt, cường độ công việc, thu hút địa bàn... của các địa bàn có trụ sở của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

c) Chỉ số sinh hoạt phí được xác định trên cơ sở chức danh tiêu chuẩn, chức vụ được bổ nhiệm tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và hệ số lương hiện hưởng trong nước của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ số sinh hoạt phí của phu nhân/phu quân được xác định theo chức danh tiêu chuẩn, chức vụ của chồng/vợ là thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

3. Nguyên tắc áp dụng chế độ sinh hoạt phí:

a) Chế độ sinh hoạt phí được áp dụng thống nhất đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

b) Người giữ chức vụ ngoại giao, chức danh cao hơn được hưởng chỉ số sinh hoạt phí cao hơn.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Chế độ sinh hoạt phí

1. Mức sinh hoạt phí cơ sở áp dụng chung cho tất cả các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là 650 đô-la Mỹ/người/tháng và sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng tại các địa bàn tăng từ 10% trở lên hoặc tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Hệ số địa bàn gồm 5 mức: 1,0; 1,1; 1,2; 1,3 và 1,4.

Bộ Ngoại giao ban hành Danh sách phân loại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài theo hệ số địa bàn sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

3. Chỉ số sinh hoạt phí thấp nhất là 100% và cao nhất là 250%, được xác định theo hệ thống tiêu chuẩn chức danh, chức vụ ngoại giao của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và hệ số lương hiện hưởng trong nước.

Chỉ số sinh hoạt phí được quy định cụ thể trong quyết định cử đi công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Ban hành kèm theo Nghị định này 05 Bảng chỉ số sinh hoạt phí (Phụ lục kèm theo), gồm:

a) Bảng 1: Áp dụng đối với thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài giữ chức vụ ngoại giao.

b) Bảng 2: Áp dụng đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài không giữ chức vụ ngoại giao.

c) Bảng 3: Áp dụng đối với thành viên cơ quan Việt Nam thuộc chuyên ngành an ninh - quốc phòng không giữ chức vụ ngoại giao.

d) Bảng 4: Áp dụng đối với nhân viên hành chính, kỹ thuật, hậu cần.

đ) Bảng 5: Áp dụng đối với phu nhân/phu quân.

Điều 6. Chế độ phụ cấp

1. Đại sứ, Người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm công tác tại nước khác hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn như sau: Kiêm nhiệm từ một đến hai nước hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác được hưởng mức 15% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn; kiêm nhiệm từ ba nước hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác trở lên được hưởng mức 20% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

2. Trường hợp cơ quan Việt Nam ở nước ngoài không bố trí đủ số thành viên theo biên chế được duyệt, thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm công việc do biên chế khác dự kiến phụ trách thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm mức 15% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

3. Nữ thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được hưởng phụ cấp hàng tháng mức 5% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

Điều 7. Chế độ trợ cấp

1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài công tác nhiệm kỳ tại địa bàn đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh nghiêm trọng đe dọa tính mạng hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 30% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

Căn cứ báo cáo của Người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và xét tình hình thực tế tại địa bàn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định địa bàn và thời gian được hưởng khoản trợ cấp này sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

2. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bị thương hoặc bị chết trong thời gian công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài, ngoài chế độ quy định tại Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức, thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoặc thân nhân của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước trợ cấp, cụ thể:

a) Mức trợ cấp một lần bằng 3 lần mức sinh hoạt phí cơ sở nếu bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên.

b) Mức trợ cấp một lần bằng 7 lần mức sinh hoạt phí cơ sở nếu bị chết.

Điều 8. Chế độ bảo hiểm khám, chữa bệnh

1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được hỗ trợ mua bảo hiểm khám, chữa bệnh ở nước ngoài.

2. Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể mức hỗ trợ tại Điều này.

Điều 9. Một số chế độ khác

1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước thanh toán tiền nhà ở, tiền điện, tiền nước, tiền chất đốt, tiền thuê bao cáp truyền hình, tiền thuê bao điện thoại, tiền thuê bao internet; được hưởng 40% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên (nếu có) và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) ở trong nước, được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội như khi công tác trong nước.

2. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được phụ cấp một khoản tiền khoán cho cả nhiệm kỳ để mua trang phục đổi ngoại, đồ dùng cá nhân thiết yếu trong nhiệm kỳ công tác (trang phục comple, cà-vạt, giày, áo khoác theo mùa....)